

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khai thác,
bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/5/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;

Căn cứ Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 241/TTr-SNNPTNT ngày 09/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.



Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11/7/2022 và thay thế Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. *Thư*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ TP;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- BTL VSHQ; BTL VCSB 4, HĐBP 28 và CC KN V5;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh (Đảng, CQ, ĐT và DNNN);
- UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Website KG;
- LĐVP, Phòng: KT, KGVX, NC và TH;
- Lưu: VP, SNNPTNT, tvhung. (123b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



lal



Lê Quốc Anh

QUY ĐỊNH

**Về quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và
phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2022/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tại các vùng biển và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Vùng nội địa là các vùng nước nằm trong đất liền gồm sông, hồ, ao, đầm, kênh, rạch và các vùng nước tự nhiên khác.

2. Nguồn lợi thủy sản là tài nguyên sinh vật trong vùng nước tự nhiên, có giá trị kinh tế, khoa học, du lịch, giải trí để phát triển nghề khai thác thủy sản, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản.

3. Chủ tàu là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu tàu cá, đứng tên đăng ký tàu cá theo pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản của các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Nhằm đảm bảo khai thác có hiệu quả đi đôi với việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; tuân theo quy định của Luật Thủy sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Phân cấp quản lý vùng biển, vùng nội địa cho các địa phương nhằm gắn trách nhiệm, quyền lợi của chính quyền địa phương và cộng đồng ngư dân trên địa bàn tỉnh trong việc tổ chức quản lý khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản một cách hiệu quả và bền vững.



Chương II**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
NGUỒN LỢI THỦY SẢN TRÊN VÙNG BIỂN VÀ VÙNG NỘI ĐỊA****Điều 4. Quy định các vùng khai thác thủy sản trên vùng biển Kiên Giang**

1. Phân vùng khai thác thủy sản trên biển được phân thành 03 vùng gồm: vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi, theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

2. Vùng đệm giữa 02 tỉnh Cà Mau và Kiên Giang là vùng biển ven bờ dọc theo đoạn thẳng nối 02 điểm A' và A1, mỗi bên rộng 03 hải lý (điểm A', A1 lần lượt là giao điểm giữa đường bờ biển và đường giới hạn ngoài của vùng ven bờ với đường phân chia ranh giới vùng khai thác giữa 02 tỉnh Kiên Giang và Cà Mau).

3. Khu vực cấm khai thác

a) Khu vực biển tính từ bờ biển (ngấn nước khi thủy triều thấp nhất) đến đường nối liền các điểm A, B, C, D, E, F, G, H, I, J, K, L trên sơ đồ cách bờ biển ra 03 hải lý.

b) Khu vực biển quanh các đảo, quần đảo tính từ bờ các đảo, quần đảo (ngấn nước khi thủy triều thấp nhất) ra 01 hải lý.

c) Tọa độ các điểm khu vực cấm khai thác được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Các vùng, khu vực biển được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được thể hiện cụ thể trên Sơ đồ phân vùng khai thác thủy sản trên vùng biển Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Quy định đối với tàu cá và loại nghề hoạt động khai thác thủy sản**1. Vùng hoạt động của tàu cá**

a) Tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

b) Tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

2. Tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét của tỉnh ngoài không được phép hoạt động tại vùng ven bờ theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 43 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét của tỉnh Kiên Giang và tỉnh Cà Mau được phép khai thác thủy sản chung tại vùng đệm thuộc vùng ven bờ giữa 02 tỉnh.

3. Tàu cá hoạt động khai thác thủy sản trên các vùng biển phải tuân thủ như sau:

a) Treo quốc kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

b) Đánh dấu tàu cá theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

c) Đánh dấu ngư cụ khai thác thủy sản tại ngư trường theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

d) Lắp thiết bị giám sát hành trình tàu cá đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 50 Luật Thủy sản năm 2017.

4. Tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét làm nghề khai thác nghêu Lụa (*Paphia undulata*), sò Lông (*Anadara antiquata*), sò Huyết (*Arca granosa*), Hến (*Potamocorbula laevis*, *Timoclea scabra*) được hoạt động tại vùng ven bờ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Điều 6. Cấm các hoạt động khai thác thủy sản

1. Phát triển số lượng tàu cá làm các nghề lưới kéo, lưới rê.

2. Sử dụng các nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT được thay thế tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

3. Tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét làm nghề lưới vây (trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét làm nghề lưới vây cá cơm) không được hoạt động tại vùng ven bờ từ ngày 01 tháng 5 đến 30 tháng 6 và từ ngày 01 tháng 10 đến 30 tháng 11 hàng năm.

4. Nghề cào banh lông (*lớp Hải sâm- Holothuroidea*); loại nghề, ngư cụ chuyên khai thác cá Nóc (*Tetraodontidae*).

5. Lưới có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

6. Khai thác các loài thủy sản đặc thù có kích thước tối thiểu, cho phép tỉ lệ lẫn các đối tượng nhỏ hơn kích thước quy định không quá 15% sản lượng thủy sản khai thác được, lấy tối thiểu 03 mẫu ngẫu nhiên để tính tỉ lệ bình quân. Kích thước tối thiểu của một số loài thủy sản đặc thù sống trong vùng biển được phép khai thác quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

7. Các tàu cá hoạt động khai thác thủy sản tại các khu vực cấm khai thác trừ quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định này; các tàu cá hoạt động khai thác thủy sản từ ngày 01 tháng 4 đến 30 tháng 6 và từ ngày 01 tháng 11 đến 30 tháng 11 hàng năm tại các khu vực cấm khai thác có thời hạn do Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT được thay thế tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT trừ quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định này. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nằm trong khu vực cấm khai thác hoặc khu vực cấm khai thác có thời hạn thì được phép thu hoạch sản phẩm thủy sản nuôi trồng trong diện tích được giao quyền sử dụng; trước khi thu hoạch phải lập báo cáo gửi Chi cục Thủy sản hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi thu hoạch (theo thẩm quyền được phân cấp quản lý) để theo dõi, giám sát, kiểm tra.

8. Khai thác các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm với mục đích trái quy định tại Điều 8 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

9. Tàu cá hoạt động khai thác thủy sản trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái trong Khu Bảo tồn biển theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

10. Ngoài quy định được nêu tại Quy định này, các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thủy sản thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật Thủy sản năm 2017; các hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp theo quy định tại Điều 60 Luật Thủy sản năm 2017 và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Ghi và nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; tổng hợp số liệu nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản

1. Thuyền trưởng tàu cá thực hiện việc ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Các trường hợp khác

a) Thuyền trưởng, chủ tàu của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét ở các địa phương nằm xa cảng cá nộp báo cáo khai thác thủy sản tại nơi chủ tàu đăng ký tàu cá (Chi cục Thủy sản hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được phân cấp) sau mỗi chuyến biển.

b) Thuyền trưởng, chủ tàu của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét ở các địa phương nằm xa cảng cá nộp nhật ký khai thác thủy sản tại Chi cục Thủy sản sau mỗi chuyến biển.

c) Thuyền trưởng của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên chỉ cho tàu cá cập cảng có tên trong danh sách cảng cá chỉ định theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 75 Luật Thủy sản năm 2017 và nộp nhật ký khai thác thủy sản theo quy định.

3. Tổng hợp số liệu báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản

Ban Quản lý Cảng cá cập nhật dữ liệu từ báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản vào cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia theo quy định.

Điều 8. Phân cấp quản lý hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổ chức quản lý các hoạt động khai thác thủy sản tại vùng lộng, khu vực cấm khai thác có thời hạn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định

tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT được thay thế tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

b) Tổ chức đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép khai thác thủy sản và đánh dấu tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên.

c) Tổ chức đăng ký, cấp giấy phép khai thác thủy sản và đánh dấu tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét của các huyện không được phân cấp.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Phân cấp cho 08 huyện, thành phố gồm: huyện: An Minh, An Biên, Hòn Đất, Kiên Lương, Kiên Hải và thành phố Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên quản lý hoạt động khai thác thủy sản phạm vi vùng ven bờ, khu vực cấm khai thác được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Phân cấp cho 09 huyện, thành phố gồm: huyện: An Minh, An Biên, Châu Thành, Hòn Đất, Kiên Lương, Kiên Hải và thành phố Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên quản lý đăng ký, cấp giấy phép khai thác thủy sản, đánh dấu tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét.

Điều 9. Quy định quản lý hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển theo phân cấp

1. Quản lý tàu cá

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý toàn bộ số lượng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên đã đăng ký tại tỉnh theo quy định; kiểm tra, giám sát tàu cá thực hiện các quy định của Luật Thủy sản năm 2017 và các quy định về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (*gọi tắt là chống khai thác IUU*).

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch về quản lý tàu cá; kế hoạch về ngăn chặn phát sinh tàu cá đóng mới không theo quy định trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức kiểm tra công tác quản lý tàu cá của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được phân cấp.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được phân cấp

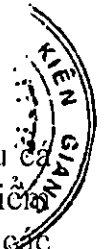
- Tổ chức quản lý số lượng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét đã đăng ký tại tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Chi cục Thủy sản và các cơ quan liên quan điều tra, thống kê số lượng tàu cá trên địa bàn quản lý; kiểm tra, giám sát tàu cá thực hiện các quy định của Luật Thủy sản năm 2017 và các quy định về chống khai thác IUU trên địa bàn quản lý.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch về quản lý tàu cá; kế hoạch về ngăn chặn phát sinh tàu cá đóng mới không theo quy định trên địa bàn.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

Phối hợp với cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan rà soát, thống kê số lượng tàu cá trên địa bàn.



2. Quản lý hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý toàn bộ hoạt động khai thác thủy sản tại vùng lồng, vùng ven bờ.

- Phối hợp với cơ quan Bộ đội Biên phòng và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát tàu cá thực hiện quy định về hoạt động khai thác thủy sản bao gồm hoạt động xuất bến, nhập bến và hành trình hoạt động.

- Tổ chức tuần tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản tại vùng lồng và khu vực cấm khai thác có thời hạn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố.

- Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức kiểm tra công tác quản lý hoạt động khai thác thủy sản của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được phân cấp.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tổ chức quản lý và thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản tại vùng ven bờ và khu vực cấm khai thác.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, cơ quan chức năng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát tàu cá thực hiện quy định về hoạt động khai thác thủy sản bao gồm hoạt động xuất bến, nhập bến và hành trình hoạt động.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

Phối hợp với cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan chức năng liên quan tuần tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản tại vùng ven bờ, khu vực cấm khai thác.

Điều 10. Quản lý hoạt động khai thác thủy sản tại vùng nội địa

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý toàn bộ hoạt động khai thác thủy sản tại vùng nội địa trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức kiểm tra công tác quản lý hoạt động khai thác thủy sản tại vùng nội địa của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tổ chức quản lý toàn bộ hoạt động khai thác thủy sản tại vùng nội địa trên địa bàn quản lý; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức quản lý và thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản tại vùng nội địa.

b) Tổ chức kiểm tra công tác quản lý hoạt động khai thác thủy sản tại vùng nội địa của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

Tổ chức quản lý và thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản tại vùng nội địa thuộc địa bàn quản lý.



Điều 11. Điều tra nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề

1. Điều tra nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản nhằm cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở khoa học phục vụ công tác quản lý, sử dụng nguồn lợi thủy sản bền vững; xác định trữ lượng, sản lượng cho phép khai thác, đánh giá sự biến động của nguồn lợi thủy sản, chất lượng môi trường sống của loài thủy sản; thực hiện định kỳ 05 năm một lần.

2. Nguồn kinh phí thực hiện điều tra nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản từ ngân sách nhà nước; các dự án đầu tư của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thủy sản và các chương trình, dự án hợp tác, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Trên cơ sở kết quả điều tra nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản, đề xuất thành lập khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; điều chỉnh cơ cấu tàu thuyền và cơ cấu nghề khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh theo giai đoạn 05 năm một lần.

Điều 12. Tái tạo nguồn lợi thủy sản

1. Khuyến khích xã hội hóa hoạt động tái tạo làm phong phú nguồn lợi thủy sản tại các vùng nước; tổ chức thả giống bổ sung tại các thủy vực, vùng nước có tầm quan trọng trong việc tái tạo nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thả giống bổ sung tại các thủy vực, vùng nước phù hợp với sự phát triển các loài thủy sản trên địa bàn quản lý. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương giám sát hoạt động thả giống thủy sản, không để phát tán các loài ngoại lai xâm hại ra môi trường tự nhiên.

2. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động bảo tồn và phát triển các giống, loài thủy sản bản địa, các loài nguy cấp, quý hiếm, các loài có giá trị kinh tế.

3. Đẩy mạnh tái tạo, phục hồi các hệ sinh thái thủy sinh, đặc biệt là các hệ sinh thái điển hình như: san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn, đầm phá, bãi triều, cửa sông là nơi sinh sống của các loài thủy sản; lựa chọn thủy vực, vùng nước tạo nơi trú ẩn nhân tạo để các loài thủy sinh trú ẩn, sinh sản và phát triển. Quản lý việc du nhập giống mới vào các thủy vực, vùng nước theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

1. Tuân thủ, chấp hành sự kiểm tra, thanh tra tàu cá cập bến, xuất bến theo quy định; sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng, cơ quan có thẩm quyền; thực hiện nghiêm quy định về chống khai thác IUU; các quy định về quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản nêu tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện đầy đủ các quy định về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động khai thác thủy sản, chỉ đưa tàu cá hoạt động trong vùng biển cho phép; thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của tàu cá trước khi ra khơi hoạt động.

3. Phải cứu nạn, cứu hộ khi gặp người, tàu thuyền bị nạn; chấp hành sự điều động của các lực lượng chức năng khi gặp sự cố trên biển; phát hiện, tố giác, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản.

4. Trong quá trình hoạt động khai thác thủy sản, tổ chức, cá nhân phải có các giấy tờ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Luật Thủy sản năm 2017.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tỉnh:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển tàu cá; điều tra nghề cá, cơ cấu nghề nghiệp về khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo hướng bền vững; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các lực lượng chức năng và các cơ quan liên quan trong việc kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản tại vùng khơi và ngoài vùng biển Việt Nam.

b) Tổ chức thăm dò, khảo sát và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định các phương án, dự án quản lý có sự tham gia của cộng đồng về khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; kế hoạch, dự án điều tra xác định khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; dự án thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh. Hướng dẫn việc thực hiện công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Theo tình hình thực tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao quyền quản lý các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; theo dõi, quản lý chuyên ngành về công tác bảo tồn biển.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, kiểm tra hoạt động và trang bị thiết bị, công cụ hỗ trợ, chế độ cho Kiểm ngư hoạt động theo quy định.

đ) Hướng dẫn ngư dân chuyển đổi nghề khai thác ven bờ, nghề cấm khai thác sang các nghề thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản trong tổng số hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản được công bố; phổ biến nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất trên biển theo tổ, đội, hợp tác xã sản xuất gắn với việc quản lý vùng biển.

e) Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ cho người và phương tiện hoạt động thủy sản; tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

g) Xây dựng hệ thống dữ liệu, chia sẻ thông tin về quản lý tàu cá, quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

2. Tổ chức việc quản lý tàu cá; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý cho tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền.

3. Tổ chức công tác kiểm tra, kiểm soát các hoạt động khai thác thủy sản và triển khai các biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi trong phạm vi vùng lồng, vùng ven bờ và vùng nội địa gắn với hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường và rác thải nhựa.

4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ đăng kiểm viên tàu cá, cán bộ quản lý nguồn lợi thủy sản. Hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý tàu cá, quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

5. Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh phù hợp với Chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên phạm vi toàn tỉnh.

7. Định kỳ trước ngày 20 tháng 11 hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ về quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tàu cá nhập bến, xuất bến hoạt động khai thác thủy sản; đảm bảo tàu cá không đủ điều kiện không được xuất bến hoạt động, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp tàu cá vi phạm quy định về lĩnh vực thủy sản.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, điều tra, đánh giá đa dạng sinh học thủy sinh; tái tạo nguồn lợi thủy sản; điều tra, khảo sát thành lập các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Đồng thời, đề xuất, bố trí nguồn vốn sự nghiệp môi trường để triển khai thực hiện công tác tuyên truyền biển, đảo; bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái các vùng biển và vùng nội địa.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch phát triển tàu cá, cơ cấu nghề nghiệp trong hoạt động khai thác thủy sản của tỉnh để xây dựng kế hoạch cụ thể cho địa



phương; đồng thời, thực hiện tốt công tác quản lý các hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn.

2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thẩm định các phương án, dự án quản lý có sự tham gia của cộng đồng về khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; kế hoạch, dự án điều tra xác định khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; dự án thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh.

3. Tổ chức quản lý tàu cá, chủ tàu cư trú trên địa bàn thực hiện các quy định về hoạt động khai thác thủy sản; chỉ đạo việc xây dựng các mô hình tổ chức khai thác thủy sản theo tổ, đội, hợp tác xã sản xuất gắn với việc quản lý vùng biển. Tổ chức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy sản cho Nhân dân trên địa bàn.

4. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực thuộc địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

5. Lập danh sách tàu cá đã nộp báo cáo khai thác thủy sản gửi về Chi cục Thủy sản và gửi danh sách, báo cáo khai thác thủy sản về Ban Quản lý Cảng cá trước ngày 20 hàng tháng.

6. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát, thống kê số lượng tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động tại vùng ven bờ trên địa bàn quản lý; không để tàu cá không đủ điều kiện đăng ký phát sinh trên địa bàn quản lý.

7. Định kỳ trước ngày 10 tháng 11 hàng năm tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tại vùng nội địa; phối hợp với cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan tổ chức tuần tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản tại vùng ven bờ, khu vực cấm khai thác.

2. Phối hợp với cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan tham gia thẩm định các phương án, dự án quản lý có sự tham gia của cộng đồng về khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; kế hoạch, dự án điều tra xác định khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; dự án thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh.

3. Thống kê, lập danh sách số lượng tàu cá theo chiều dài, loại nghề đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét hoạt động tại vùng ven bờ theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Thủy sản năm 2017 trên địa bàn quản lý.

4. Định kỳ trước ngày 05 tháng 11 hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Tàu cá làm các nghề cấm tại vùng ven bờ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được phép chuyển đổi sang các nghề khác, trừ nghề lưới kéo, lưới rê và còn trong hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng ven bờ; thời hạn thực hiện chuyển đổi nghề trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.





ĐỒ PHÂN VÙNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC THỦY SẢN TRÊN VÙNG BIỂN KIÊN GIANG

Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2022/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

